

Ia Pa, ngày 29 tháng 12 năm 2022

Số: 29/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chu Thị N**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện I, tỉnh G.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ: Bà Phạm Thị T xác nhận còn nợ chị Chu Thị N số tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày hòa giải (ngày 21/12/2022) là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

2.2 Về phương án trả nợ: Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng) cho chị Chu Thị N 02 đợt cụ thể như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 21/12/2022 đến hết ngày 21/5/2023, bà T trả cho chị N số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) và 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) tiền lãi.

- Đợt 2: Từ ngày 22/5/2023 đến hết ngày 21/12/2023: Bà T trả cho chị N số tiền gốc còn lại là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí. Án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 43.600.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 43.600.000 đồng (Bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà Thanh chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Chu Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho chị N 52.423.000 đồng (Năm mươi hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000582, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thắng